

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO TỔNG KẾT
Về việc thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010
của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao tại Công văn số 2328/VPCP-TCCV ngày 24/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Trên cơ sở các báo cáo sơ kết, tổng kết các kết luận, chỉ thị, nghị quyết của Đảng về hội quần chúng¹ và các báo cáo hàng năm, Bộ Nội vụ báo cáo tổng kết thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Hiện nay, các hội ở nước ta phát triển đa dạng, phong phú, quy mô, phạm vi, tính chất hoạt động khác nhau. Một số hội đã được cơ quan có thẩm quyền của Đảng xác định là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và 10 hội được thành lập đảng đoàn để lãnh đạo hoạt động, các hội này đã có quá trình hình thành phát triển lâu dài; đa số các hội còn lại được xác định là tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nhân đạo; ngoài ra, còn có hội được xác định là tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức phi chính phủ; một số hội có phạm vi hoạt động cả nước, tỉnh, huyện, xã; có hội chỉ hoạt động trong phạm vi cả nước, xã; có hội hoạt động phạm vi cả nước, tỉnh; có hội hoạt động phạm vi cả nước, tỉnh, trường đại học. Về số lượng, tính đến tháng 12 năm 2022: cả nước có 71.669 hội (587 hội hoạt động phạm vi cả nước và 71.082 hội hoạt động phạm vi địa phương). Về cơ bản, mô hình tổ chức hoạt động của các hội là phù hợp với quy mô, tính chất, vai trò, vị trí của từng hội. Về hoạt động, nhiều hội đã phát huy vai trò tập hợp, đoàn kết và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, có đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, có không ít hội hoạt động còn hình thức, kém

¹ Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị Khóa XI về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng; Chỉ thị 28-CT/TW ngày 02/12/2008 của Ban Bí thư khóa X về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; Chỉ thị 24-CT/TW ngày 4 tháng 7 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển nền đồng y Việt Nam và Hội Đồng y Việt Nam trong tình hình mới; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về việc tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới

hiệu quả, chưa đáp ứng được nguyện vọng, lợi ích của hội viên, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, có xu hướng “hành chính hóa” hoạt động hội. Trong thực tế, đã có hội tổ chức, hoạt động sử dụng điều lệ chung, hội hoạt động phạm vi toàn quốc công nhận ban lãnh đạo hội hoạt động phạm vi địa phương. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và hội nhập quốc tế, dân chủ được phát huy, quyền công dân, quyền con người được Hiến pháp quy định, nhu cầu thành lập hội ngày càng nhiều và đa dạng. Bên cạnh đó, có nhiều thế lực lợi dụng tổ chức hội, lợi dụng diễn đàn, đối thoại để chống phá sự lãnh đạo Đảng, quản lý của Nhà nước, tạo ra sự không đồng thuận trong xã hội.

Công tác quản lý nhà nước về hội đã từng bước được tăng cường, tạo điều kiện cho công dân thành lập hội, Nhà nước đã ban hành các cơ chế, chính sách để hội hoạt động, góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Để đảm bảo thực hiện quyền lập hội của công dân, ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 52 ngày 22 tháng 4 năm 1946 về hội và Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 về “Luật quy định quyền lập hội”. Cho đến nay, Sắc lệnh số 102/SL/L004 vẫn còn hiệu lực thi hành, nhiều quy định của Sắc lệnh này đã không còn phù hợp với điều kiện thực tế về tổ chức, hoạt động của hội đã thay đổi trong gần 60 năm qua. Công tác quản lý nhà nước về hội còn bất cập, hệ thống pháp luật về hội chưa đồng bộ, có các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau để điều chỉnh các hội (các hội được điều chỉnh theo Nghị định 45/2010/NĐ-CP; Liên đoàn Luật sư Việt Nam được điều chỉnh theo Luật Luật sư, Hiệp hội Công chứng theo Luật Công chứng...). Trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về hội đã phát sinh vướng mắc, chưa bao quát hết những vấn đề mới trong tổ chức, hoạt động của hội, chưa có các quy định cụ thể về tạm đình chỉ, thu hồi con dấu. Một số quy định về chính sách đối với người làm việc tại hội, như: Đối tượng được hưởng thù lao chỉ là người đã nghỉ hưu, gây bất bình đẳng, so bì với người không phải là người về hưu được tín nhiệm bầu giữ chức danh lãnh đạo hội. Do đó, đặt ra yêu cầu cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về hội để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ.

- Tổ chức và hoạt động của các hội cơ bản đã tuân thủ điều lệ, bảo đảm tôn chỉ, mục đích của hội; phát huy vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên; làm tốt vai trò là cầu nối giữa các tầng lớp nhân dân với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chấp hành tốt sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lĩnh vực hoạt động và của địa phương nơi hội hoạt động. Đã chú trọng thực hiện việc tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường, sửa đổi, bổ sung điều lệ, lập văn phòng đại diện, thành lập pháp nhân trực thuộc hội, ban hành các quy chế, quy định trong nội bộ theo quy định của pháp luật và điều lệ hội. Nhiều hội đã quan tâm đến việc đổi mới nội dung và hình thức hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trong quá trình hoạt động của các hội đã coi trọng việc đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; đảm bảo quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố; thực hiện chế độ báo cáo; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; sử dụng tài chính, kinh phí, tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương theo Quyết định số 118-QĐ/TW (trước là hội có tính chất đặc thù) đã phát huy tốt vai trò, có nhiều đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy, thu hút, tập hợp được đông đảo hội viên tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; thể hiện vai trò là cầu nối giữa hội viên với Đảng và Nhà nước, phản ánh các nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước về nội dung liên quan đến hoạt động của hội.

- Các hội đã chú trọng việc tuyên truyền, vận động hội viên và quần chúng nhân dân tích cực thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động cung ứng dịch vụ, xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; văn hóa, thể dục thể thao; bảo vệ môi trường. Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có hội viên là các tổ chức kinh tế hoạt động ngày càng hiệu quả hơn đối với việc hỗ trợ hội viên phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh, góp phần giải quyết các tranh chấp thương mại. Các hội hoạt động trong lĩnh vực xã hội nhân đạo từ thiện đã hỗ trợ kịp thời có hiệu quả đối với nạn nhân chất độc da cam; tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ, hỗ trợ các đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, các hội đã tích cực tham gia phòng, chống dịch covid -19, ủng hộ tiền, hiện vật, nhu yếu phẩm cho người dân vùng dịch, trợ giúp người dân bị mắc bệnh, đóng góp vào Quỹ Vắc-xin phòng, chống Covid-19 của Chính phủ. Bộ Nội vụ đã ghi nhận những đóng góp kịp thời, thiết thực của các hội để tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19.

- Các hội đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp trong công tác vận động nhân dân nhằm xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; phối hợp vận động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước có sự tham gia của toàn xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế

Hoạt động của một số hội chưa được thường xuyên, liên tục, hiệu quả chưa cao; có hội chưa làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên; chưa thực sự đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên; chưa gắn hoạt động của hội với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Một số hội hoạt động còn mang nặng tính hình thức, có xu hướng hành chính hóa hoạt động hội, chưa phát huy tính tự chủ; việc quản lý các pháp nhân trực thuộc, đặc biệt là các tổ chức khoa học - công nghệ, tạp chí thuộc một số hội còn hạn chế nên để xảy ra tình trạng phải xem xét, giải thể một số pháp nhân trong thời gian vừa qua. Cá biệt còn tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ hội, chủ yếu là mâu thuẫn cá nhân, dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, không tự giải quyết được, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, uy tín của tổ chức hội và thời gian giải quyết của cơ quan nhà nước. Một số hội trong tổ chức và hoạt động chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ, còn tình trạng tổ chức đại hội nhiệm kỳ không đúng quy định, không xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không tuân thủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ; lưu trữ, cập nhật hồ sơ chưa đầy đủ, chưa khoa học.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân của kết quả đạt được: các cơ quan quản lý nhà nước đã quan tâm, tạo điều kiện cho hội tổ chức, hoạt động theo điều lệ, quy định của pháp luật; nhiều hội đã kiện toàn bộ máy, từng bước đổi mới phương thức hoạt động; một số người làm việc chuyên trách tại hội tâm huyết, trách nhiệm, khắc phục khó khăn lãnh đạo điều hành hoạt động hội hiệu quả.

- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế: nhiều hội hoạt động còn nặng tư tưởng bao cấp, vẫn trông chờ vào nguồn kinh phí nhà nước hỗ trợ, chưa nắm rõ nguyên tắc hoạt động của hội “tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí hoạt động”; thiếu chủ động, tích cực trong việc tìm nguồn kinh phí từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật và vận động nguồn tài trợ.

- Do tiếp tục ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên các hội gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức, hoạt động theo quy định tại điều lệ.

Mặt khác hệ thống pháp luật về hội đã tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm đáp ứng nhu cầu chính đáng của công dân, tổ chức trong việc thành lập hội, cụ thể Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP là hành lang pháp lý trong việc thực hiện trình tự, thủ tục thành lập, phê duyệt điều lệ hội và giải quyết các thủ tục liên quan đến hội; là cơ sở cho việc tổ chức, hoạt động và quản lý hội được thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hội bảo đảm các hội hoạt động được tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hiện tại tổ chức và hoạt động của các hội còn những hạn chế, tồn tại, khó khăn như:

Đã có số lượng rất lớn hội có tính chất đặc thù hoạt động phạm vi địa phương. Do đó, việc cấp kinh phí hoạt động theo biên chế hoặc định biên giao cho hội là rất lớn (đặc biệt là ở các địa phương), gây khó khăn đối với ngân sách Nhà nước và làm tăng biên chế, chưa phù hợp với nguyên tắc: tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự trang trải kinh phí và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW); Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng (sau đây gọi tắt là Kết luận số 102-KL/TW) và Thông báo kết luận số 158-TB/TW ngày 01/02/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW (sau đây gọi tắt là Thông báo số 158-TB/TW).

- Còn một số hội chưa thực hiện được vai trò là cầu nối giữa hội viên với cơ quan nhà nước, chưa đại diện thực sự cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, chưa gắn hoạt động của hội với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động còn mang tính hình thức; chưa phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo, khả năng tập hợp, thu hút hội viên; hoạt động kém hiệu quả. Có hội còn chưa chủ động trong tổ chức, hoạt động, một số hội còn xu hướng hành chính hóa hoạt động hội. Tổ chức và hoạt động của một số hội có xu hướng vụ lợi hóa, không tuân thủ nguyên tắc “không vì mục đích lợi nhuận”.

- Còn tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ hội dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, không tự giải quyết được.

- Một số hội tổ chức, hoạt động vi phạm pháp luật và điều lệ; tổ chức đại hội nhiệm kỳ không đúng quy định của điều lệ.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nổi bật một số nguyên nhân chủ yếu như:

- Do nhận thức về vai trò của hội đối với phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới chưa chuyển kịp với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống.

- Việc thể chế chủ trương của Đảng về hội quần chúng để phát huy sự tham gia của hội vào trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước còn chậm.

- Các hội còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa đồng thuận về cơ chế chính sách đối với hội.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách của một số hội còn thiếu kỹ năng công tác hội, thiếu chủ động, sáng tạo, cá biệt còn để các lợi ích kinh tế chi phối. Công tác đào tạo cán bộ hội còn thiếu tính kế hoạch và chưa bài bản; chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên để đảm nhận các công việc lâu dài cho hội.

- Có một số hội chưa thực sự đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu mà Đảng, Nhà nước giao, vẫn còn tâm lý trông chờ vào hỗ trợ của Nhà nước; còn e ngại trong xử lý các vấn đề có tính nội bộ.

- Mô hình, nguồn lực hỗ trợ, điều kiện tổ chức và hoạt động của mỗi hội khác nhau.

đ) Xu hướng thời gian tới trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, quyền dân chủ ngày càng được phát huy, quyền con người và quyền công dân trong đó có quyền lập hội được Hiến pháp 2013 ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Do đó, nhu cầu thành lập hội sẽ gia tăng, qua thực tiễn công tác quản lý nhà nước hiện nay, đang gia tăng xu hướng đề nghị thành lập hội theo chuyên ngành chuyên sâu trong các lĩnh vực y tế, thể dục thể thao, khoa học công nghệ và tiếp tục có đề nghị thành lập hội theo dòng họ, dòng hương. Thời gian tới, tổ chức và hoạt động của hội tiếp tục phát triển, có đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2010/NĐ-CP NGÀY 21/4/2010 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Chỉ đạo, lãnh đạo quán triệt thực hiện Nghị định

a) Ngày 21/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về tổ chức, hoạt và quản lý hội thay thế Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Đây là văn bản thể chế các quy định của Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20/5/1957 ban hành quyền lập hội, Bộ luật Dân sự, Luật Tổ chức Chính phủ về việc tổ chức, cá nhân thành lập hội theo quy định của pháp luật, được Nhà nước tạo điều kiện nhằm mục đích hỗ trợ, khuyến khích phát triển các lĩnh vực của đời sống xã hội như văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, khoa học, từ thiện nhân đạo với mục đích phát triển cộng đồng xã hội, không vì mục đích lợi nhuận trên cơ sở nguyên tắc hoạt động như việc thành lập và hoạt động không vì lợi nhuận; tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của mình; hoạt động theo điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan; công khai,

minh bạch về thu, chi, tài chính, tài sản của hội; không phân chia tài sản của trong quá trình đang hoạt động.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình quản lý nhà nước về hội từ Trung ương đến địa phương theo đúng quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ, nhằm giúp công tác quản lý nhà nước về hội được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Thường xuyên rà soát, thống kê tình hình tổ chức, hoạt động của các hội, để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hội. Một số địa phương đã tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hội, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội.

c) Để bảo đảm Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ đi vào cuộc sống, các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền quan tâm, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện để các hội được thành lập. Việc xem xét, cho phép thành lập hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc, liên tỉnh hoặc trong phạm vi địa phương được thực hiện chặt chẽ, từ quá trình hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, cung cấp những thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hội tổ chức và hoạt động. Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, đổi tên, giải thể hội thực hiện đúng quy định. Bên cạnh đó, Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ các hội về biên chế, điều kiện làm việc, trụ sở và kinh phí đối với một số hội được Thủ tướng Chính phủ công nhận là hội có tính chất đặc thù (nay gọi là hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ); đồng thời đã tạo điều kiện thuận lợi để các hội chủ động xây dựng chương trình hoạt động cũng như tham gia các chương trình xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

d) Các cấp, ngành đã lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định nhằm giúp các hội hoạt động đúng hướng, góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và phát triển đất nước.

2. Tuyên truyền, phổ biến thực hiện Nghị định

a) Nhận thức về tầm quan trọng của các hội nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, văn hóa, khoa học, từ thiện nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng không vì mục đích lợi nhuận nên ngay sau khi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có hiệu lực cùng với việc thực hiện Luật phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012, các cấp chính quyền đã tổ chức phổ biến các nội dung của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tới toàn thể cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại Bộ Nội vụ; đặc biệt là những kỹ năng cần thiết cho hoạt động quản lý nhà nước đối với đội ngũ công chức trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước về hội với hình thức phổ biến phong phú, đa dạng như sao chụp để gửi văn bản đã được ban hành, đăng tin trên cổng thông tin của các cấp chính quyền Trung ương và địa phương, mở các lớp phổ biến, tập huấn.

b) Các cấp, các ngành ở địa phương chú trọng tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 của Bộ trưởng

Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 và Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội nghị, hội thảo, kết hợp xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền trên các thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử; phát tài liệu, mời giảng viên, báo cáo viên; niêm yết công khai các danh mục thủ tục hành chính về thành lập, phê duyệt điều lệ hội góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hội, đồng thời giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về hội.

c) Nhiều địa phương đã phối hợp với các tổ chức hội, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và các nêu trên của Bộ Nội vụ.

d) Bên cạnh đó tích cực đẩy mạnh, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa giúp công dân, tổ chức thực hiện các quyền lợi hợp pháp và thực hiện pháp luật được chính xác, đầy đủ; bảo đảm pháp luật công khai, minh bạch, tránh hiện tượng tiêu cực trong hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, công chức thực hiện chức trách nhiệm vụ trực tiếp trong quá trình thực thi công vụ; qua đó kịp thời giám sát để phản ánh với chính quyền các cấp về những sai phạm của các hội trong quá trình thành lập, hoạt động để chấn chỉnh kịp thời nhằm giúp các hội hoạt động theo đúng khuôn khổ của pháp luật và Điều lệ.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn Nghị định theo thẩm quyền

a) Để một số nội dung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ được hướng dẫn triển khai thi hành, các cấp chính quyền ở Trung ương và địa phương đã chú trọng ban hành theo thẩm quyền để giúp cho các quy định của Nghị định đi vào thực tiễn; Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 và Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013;

b) Một số địa phương, cơ quan chức năng trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn và chức trách nhiệm vụ được phân công đã tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền ban hành kế hoạch, chương trình hành động có lồng ghép với việc thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật để tiếp tục thể chế thành những quy định phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, qua đó giúp cho các quy định của Chính phủ sớm bám sát yêu cầu thực tiễn.

4. Việc chấp hành các quy định của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP

a) Nhìn chung, các tổ chức hội chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Hoạt động của các hội về cơ bản, mô hình tổ chức và hoạt động của các hội phù hợp với quy mô, tính chất, vai trò của từng hội. Nhiều hội đã phát huy tốt vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên, có đóng góp tích cực vào việc bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh

tế - xã hội của đất nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Các hội đã thể hiện vai trò là cầu nối giữa hội viên với cơ quan nhà nước, phản ánh các nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước về nội dung liên quan đến hoạt động của hội; thực hiện một số hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, chương trình, dự án lớn của Nhà nước. Nhiều hội đã có các hoạt động nổi bật trong một số lĩnh vực như: tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ môi trường, tăng cường hiểu biết hữu nghị giữa các quốc gia, các dân tộc, tham gia tích cực vào việc giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các hội tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động cung ứng dịch vụ, xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; văn hóa, thể dục thể thao; bảo vệ môi trường, đã tham gia cùng với Nhà nước mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có hội viên là các tổ chức kinh tế hoạt động ngày càng hiệu quả hơn đối với việc hỗ trợ hội viên phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh, góp phần giải quyết các tranh chấp thương mại, mở rộng hoạt động tiếp thị, tư vấn, hỗ trợ thị trường. Đặc biệt, từ năm 2019 đến nay, đất nước ta phải gánh chịu đại dịch Covid – 19 hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hội đã tích cực tham gia vào phong trào chống dịch, ủng hộ tiền, nhu yếu phẩm cho người dân vùng dịch; tham gia hỗ trợ chống dịch góp phần quan trọng vào công cuộc đẩy lùi Covid – 19 tại Việt Nam. Một số hội hoạt động hiệu quả được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định pháp luật.

b) Trên thực tế việc thực hiện pháp luật về hội của một số địa phương còn tồn tại một số hạn chế như công tác thanh tra, kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên, việc tuyên truyền pháp luật về hội chưa được cập nhật đầy đủ, thường xuyên.

c) Một số tổ chức hội chưa thực hiện nghiêm Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về trách nhiệm, nhiệm vụ trong hoạt động như còn tình trạng không thực hiện báo cáo định kỳ về tổ chức, hoạt động, tài chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không thực hiện đầy đủ các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Trong những năm qua, công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP được thực hiện thường xuyên ở các cấp chính quyền thông qua công tác kiểm tra chuyên đề và triển khai được các cấp chính quyền quan tâm, chỉ đạo giao các cơ quan, tổ chức có chức năng luôn theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức hội hoạt động theo đúng quy định tại điều lệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra cũng đã phát hiện kịp thời các hoạt động chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên đã chấn chỉnh kịp thời, giải thích rõ cho tổ chức hội về sự cần thiết và tầm quan trọng trong việc thực

hiện pháp luật và hạn chế được nhiều vụ việc khiếu kiện trong nội bộ tổ chức hội, giúp cho tổ chức hội hoạt động có hiệu quả, đúng mục đích theo quy định của điều lệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Ngoài ra, thông qua công tác kiểm tra, theo dõi các hoạt động của hội các cấp chính quyền cũng có những chính sách động viên, khen thưởng kịp thời cho những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác hội góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Về tồn tại, hạn chế

Qua hơn 13 (mười ba) năm triển khai thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, còn có một số tồn tại, hạn chế sau:

a) Quy định của pháp luật về hội hiện nay chưa bao quát hết được những vấn đề mới phát sinh trong cuộc sống. Đồng thời một số quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trải qua hơn 13 (mười ba) năm thực hiện còn có nội dung chưa phù hợp, qua thực tiễn khó áp dụng khi phải xem xét giải quyết. Do đó, cần được thay thế để thể chế hóa chủ trương của Đảng và hệ thống pháp luật về hội được hoàn thiện hơn.

b) Chưa quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về hội, dẫn đến hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hội còn hạn chế.

c) Thủ tục hành chính trong việc thành lập, phê duyệt điều lệ và các thủ tục về hội đơn giản hóa thủ tục để phù hợp với tinh thần xây dựng Chính phủ kiến tạo, phục vụ tổ chức và nhân dân.

d) Chưa quy định rõ về việc đình chỉ hoạt động có thời hạn, hội bị giải thể; việc giải quyết mất đoàn kết nội bộ hội; thành lập các tổ chức pháp nhân thuộc hội và chưa quản lý chặt các tổ chức này; việc quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính hàng năm việc đình chỉ công tác và cho phép công tác lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội

đ) Một số hội thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ trong quá trình tổ chức, hoạt động còn hạn chế. Chưa kịp thời cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về hội để thực hiện đúng quy định.

e) Việc quy định trách nhiệm của các bộ, ngành còn chung chung, trong đó có việc cấp giấy phép đăng ký và hoạt động đối với các tổ chức pháp nhân thuộc hội theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

f) Chưa có quy định về cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và quy trình thực hiện, gây khó khăn cho các hội và cơ quan tài chính.

g) Chính sách của Nhà nước đối với hội và chế độ, chính sách đối với người làm việc tại hội chưa cụ thể.

h) Chưa quy định cơ sở dữ liệu về hội.

2. Nguyên nhân

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hội có lúc có nơi chưa được thường xuyên nên chưa thấy được vai trò, vị trí của hội trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

a) Việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng về hội quần chúng còn chậm, chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH THAY THỂ NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2010/NĐ-CP

Từ cơ sở bất cập tồn tại, hạn chế nêu trên, đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP như sau:

Về cơ bản các điều của dự thảo Nghị định đã được biên tập, sửa đổi, bổ sung để thể chế hoá chủ trương của Đảng, đảm bảo công tác quản lý của Nhà nước và vừa tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam thể hiện được quyền thành lập, tổ chức và hoạt động hội theo quy định của pháp luật:

1. Những nội dung thể chế hoá chủ trương của Đảng, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về quyền và nghĩa vụ, chính sách, chế độ, hoạt động của hội nói chung và hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nói riêng:

a) Về quyền và nghĩa vụ của hội:

Thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương. Kế thừa một số nội dung đã thực hiện ổn định, không có phát sinh tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về quyền, nghĩa vụ của hội. Đồng thời cập nhật, bổ sung những quy định của pháp luật chuyên ngành giao cho hội; đảm bảo tính cập nhật, ổn định, lâu dài khi pháp luật có sửa đổi, bổ sung những vấn đề mới. Điều 23, Điều 24, Điều 37 dự thảo Nghị định đã bổ sung quyền, nghĩa vụ của hội: được cấp chứng chỉ năng lực khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (khoản 10 Điều 23) để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành: ví dụ như Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020; hội phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật (pháp luật về thuế đã quy định) là tạo điều kiện để hội khi có hoạt động phát sinh chịu thuế có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế; bổ sung nội dung không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu gây tranh cãi, nhầm lẫn với danh hiệu của Nhà nước; việc thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê; việc quy định này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về hội (khoản 17 Điều 24); bổ sung khoản 18 Điều 23, khoản 22 Điều 24 để tạo điều kiện cho hội được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan khi có các văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau giao cho hội thực hiện một số nội dung mới;

b) Về thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có thẩm quyền phê duyệt điều lệ hội của Thủ tướng Chính phủ):

- Kết luận số 102-KL/TW đã quy định: “Về việc phê duyệt điều lệ của hội: Đối với những hội do Đảng và Nhà nước lập ra (hội có đảng đoàn) thì do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các hội khác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”. Thể chế hóa nội dung này và căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; ý kiến của nhiều địa phương đề nghị có phân cấp hoặc ủy quyền giữa các cấp chính quyền địa phương về quản lý hội, Điều 15 (Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội) dự thảo Nghị định đã phân cấp và bổ sung so với Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, quy định 04 nội dung sau: (1)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ hội có đảng đoàn phạm vi hoạt động toàn quốc; (2) Bộ trưởng Bộ Nội vụ giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh; (3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh và (4) Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết các thủ tục về hội (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã. Đồng thời loại trừ một số trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác trong việc phê duyệt điều lệ hội như quy định tại Luật Luật sư, Luật Công chứng;

- Bổ sung nội dung sử dụng chung điều lệ đối với tất cả các hội có cùng lĩnh vực hoạt động chính (khoản 5 Điều 21): để thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị, đã quy định: “Nếu các hội ở cấp dưới thống nhất thừa nhận điều lệ của Hội ở Trung ương thì không cần xây dựng điều lệ riêng”.

c) Về chính sách của Nhà nước đối với hội:

Thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014, Công văn số 226-CV/TW ngày 10/8/2015 của Bộ Chính trị và Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về hội quần chúng trong tình hình mới; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, dự thảo Nghị định đã quy định chính sách chung của Nhà nước đối với hội (Điều 7); quy định cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ (Điều 8) để cơ quan tài chính có căn cứ hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với quy định của pháp luật; quy định chính sách riêng của Nhà nước đối với hội và người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (Điều 38, Điều 39):

(i) Điều 7 (Chính sách của Nhà nước đối với hội) quy định chung chính sách của Nhà nước theo hướng Nhà nước ban hành cơ chế chính sách để hội tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn; tham gia phản biện và giám định xã hội; thực hiện chương trình, dự án, đề tài, đề án và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

(ii) Điều 38 (Chính sách của Nhà nước đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ) quy định chính sách tương ứng với 02 nhóm đối tượng:

(1) Hội đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế đã được giao thì được ngân sách nhà nước đảm bảo trên cơ sở khoán kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao và hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động;

(2) Hội không được giao biên chế thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và đảm bảo được giao khoán kinh phí hoạt động, hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động để duy trì hoạt động bộ máy;

(iii) Điều 39 (Chính sách đối với người làm việc tại hội tại hội): Kết luận số 102-KL/TW yêu cầu: “Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với người làm việc tại các hội”; Điều 7 về chế độ, chính sách đối với người làm việc thường xuyên tại hội tại Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao

nhiệm vụ ở Trung ương. Thể chế hóa nội dung này và đồng thời tạo sự ổn định trong chế độ chính sách thù lao đối với người nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội, dự thảo Nghị định quy định cụ thể chính sách, chế độ về tuyển dụng, sử dụng, quản lý và chế độ tiền lương, phụ cấp, thù lao, đào tạo, bồi dưỡng... phù hợp với từng loại đối tượng làm việc tại hội; trong đó người trong độ tuổi lao động trong chỉ tiêu biên chế thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức; các đối tượng khác được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành về thù lao và theo quy định của pháp luật về lao động;

d) Về chức trách, nhiệm vụ ban chấp hành, ban thường vụ, tiêu chuẩn, điều kiện chủ tịch, phó chủ tịch hội:

Thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và qua quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước, cũng như tạo điều kiện để hội có cơ sở lựa chọn người đứng đầu hội đáp ứng yêu cầu trong hội nhập và phát triển đất nước; đồng thời đảm bảo những người giữ chức danh chủ tịch hội có thời gian, chuyên tâm cho công tác hội và tránh việc người quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội lại tham gia điều hành hội “vừa đá bóng vừa thổi còi”, trong dự thảo đã hạn chế đối tượng này tham gia làm chủ tịch hội, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý để giải quyết một số trường hợp đặc biệt. Theo đó, dự thảo Nghị định đã xây dựng Điều 22 quy định chức trách, nhiệm vụ của ban chấp hành, ban thường vụ; về tiêu chuẩn, điều kiện; quy định thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và trách nhiệm của chủ tịch, phó chủ tịch hội đối với tất cả các hội.

đ) Quy định chương riêng về hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ:

Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị đã nêu: “Không xây dựng văn bản riêng đối với một số hội đã được công nhận là tổ chức chính trị - xã hội, hội có đảng đoàn và không quy định hội có tính chất đặc thù”; Văn bản số 226-CV/TW ngày 10/8/2015: “Đối với các hội do Đảng có nhu cầu, chỉ đạo thành lập và giao thực hiện các nhiệm vụ và các Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, thì Nhà nước tiếp tục cấp kinh phí và tạo điều kiện để hoạt động”; Văn bản số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới, có nội dung: “Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ”; Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, trong đó có quy định danh sách hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, cơ quan lãnh đạo hội... Theo đó, trên cơ sở thể chế hoá chủ trương của Đảng và kế thừa Chương VI (quy định về hội có tính chất đặc thù) của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung chuyển thành Chương VI (quy định về hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ), trong đó quy định cụ thể một số điều:

- Điều 36 xác định Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương và địa phương: Quy định danh sách 30 hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương; đồng thời giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện, yêu cầu

nhiệm vụ của địa phương để xác định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương;

- Điều 37. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm vụ hội: Ngoài những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm chung nhưng hội quần chúng khác thì hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có một số quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm riêng;

- Điều 38, Điều 39: Quy định riêng về chính sách của Nhà nước đối với hội và người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

- Thể chế hoá Điều 2, Điều 3, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương: Điều 40 quy định cơ quan lãnh đạo của hội gồm đại hội, ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực hội; Điều 41 quy định về tiêu chuẩn Chủ tịch, phó chủ tịch và quy trình nhân sự đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ để cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân biết, thực hiện và lựa chọn; đồng thời quy định cụ thể số lượng phó chủ tịch chuyên trách để tránh việc bầu quá nhiều cấp phó, gây hiệu ứng không tốt trong dư luận xã hội, phù hợp với chủ trương của Đảng và đảm bảo công tác quản lý nhà nước.

2. Những nội dung thể chế chủ trương của Đảng để đảm bảo công tác quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng cũng như tạo điều kiện cho tổ chức, công dân Việt Nam khi lập hội, tổ chức và hoạt động của hội:

a) Nhóm quy định chung cho các hội:

- Điều 3 (Giải thích từ ngữ): Trên cơ sở kế thừa một số nội dung về hội tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và để thống nhất, tránh hiểu khác nhau về một số từ ngữ quy định về thuật ngữ về hội; không vì mục tiêu lợi nhuận; cơ sở dữ liệu hội;

- Để làm cơ sở triển khai, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hội phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó với quan điểm “Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân...”. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về hội tại Điều 9 (Cơ sở dữ liệu về hội);

b) Nhóm quy định về thành lập hội:

- Nhằm đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí và để hội có thể tổ chức và hoạt động phải có kinh phí, do đó Điều 10 (điều kiện thành lập hội) bổ sung một điều kiện so với Điều 5 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP: “Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội”;

- Thay đổi thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã (Điều 12) nhằm hoàn thiện các quy định để giải quyết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn triển khai thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP không quy định việc công nhận ban vận động thành lập hội có lĩnh vực hoạt động chính không chịu sự quản lý nhà nước của bộ, ngành hoặc cơ quan chính quyền địa phương về ngành, lĩnh vực chính hội dự kiến hoạt động và để thống nhất, đồng bộ các với các thủ tục về hội của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền trong quá trình thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị về hội quần chúng và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ;

- Để đảm bảo công tác chính trị nội bộ, an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, không để các thành phần lợi dụng thành lập hội để chống phá Đảng, Nhà nước, dự thảo Nghị định quy định tất cả các thành viên tham gia ban vận động thành lập hội phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích; đồng thời liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức, đơn giản hóa các tài liệu trong các thủ tục hành chính, Nghị định quy định, thành viên ban vận động thành lập hội nếu thuộc diện quản lý của cấp có thẩm quyền và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì không phải cung cấp phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ công nhận ban vận động thành lập hội (điểm c khoản 1 Điều 12) và hồ sơ thành lập hội (điểm e, khoản 1 Điều 13);

- Dự thảo Nghị định bổ sung thêm thời gian cho phép thành lập hội từ 30 ngày làm việc lên thành 90 ngày làm việc. Thời gian cho phép thành lập hội tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định là 60 ngày; theo Nghị định số 33/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2010/NĐ-CP còn 30 ngày làm việc. Tuy nhiên, qua tổng kết việc thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP thì việc quy định thời gian 30 ngày làm việc như Nghị định số 33/2012/NĐ-CP là không phù hợp với thực tiễn. Việc thành lập một tổ chức hội liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành, đặc biệt là vấn đề đảm bảo các yếu tố quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội cần có thời gian để thẩm tra các điều kiện khi thành lập hội; mặt khác địa phương cũng đề nghị cần thêm thời gian xem xét trong quá trình cho phép thành lập hội. Do đó, quy định thời gian 90 ngày làm việc là phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Kế thừa và gộp nội dung Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP tích hợp thành Điều 17 dự thảo Nghị định quy định về hội viên; trong đó không quy định nội dung về hội viên là các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài tham gia làm hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự. Do hiện nay theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư thì các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam là tổ chức Việt Nam. Mặt khác Kết luận số 102-KL/TW có quy định thí điểm kết nạp hội viên là các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài vào làm hội viên chính thức; Hiến pháp chỉ quy định quyền lập hội của công dân, tổ chức Việt Nam, do đó quy định các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài được tham gia làm hội viên chính thức cần phải được thể hiện bằng Luật nhằm tránh phát sinh nhiều vấn đề mới, phức tạp. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định đối tượng hội viên là công dân, tổ chức Việt Nam là phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật có liên quan.

c) Nhóm quy định về tổ chức của hội:

- Quy định về đại hội (Điều 19): Kế thừa các quy định về hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường và cách tính thời hạn tổ chức Đại hội từ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV; bổ sung hồ sơ

báo cáo tổ chức đại hội thành lập để hướng dẫn, hỗ trợ hội trong các khâu chuẩn bị tổ chức đại hội, đảm bảo sự thành công và phù hợp với quy định của pháp luật về hội; đồng thời tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước;

- Kế thừa nội dung Điều 12, Điều 13 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và tích hợp thành Điều 21 dự thảo Nghị định quy định về báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt Điều lệ hội; bổ sung trường hợp điều lệ hội thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, thì hội có trách nhiệm gửi đề nghị phê duyệt điều lệ về Bộ Nội vụ để xem xét trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định; đồng thời bổ sung trách nhiệm của Bộ Nội vụ có văn bản thông báo tính hợp pháp khi hội đã tổ chức đại hội thành công, đúng quy định, nhằm cung cấp thông tin, giải quyết các bất cập về tính pháp lý khi hội bầu ban chấp hành, ban kiểm tra, chủ tịch đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng cần có một cơ quan nhà nước xác nhận tính hợp pháp của đại hội mà hội đề nghị và tạo cơ sở pháp lý cho hội khi thực hiện giao dịch với các cơ quan, tổ chức.

d) Nhóm quy định về hoạt động của hội:

- Quy định về chi nhánh, văn phòng đại diện, chi hội, các phòng, ban chuyên môn và tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội: Kế thừa các quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP và đảm bảo quyền của pháp nhân trong Bộ luật Dân sự, dự thảo Nghị định đã xây dựng Điều 25 Nghị định để thống nhất, đồng bộ trong một văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện cho hội thực hiện quyền, nghĩa vụ; đồng thời tạo điều kiện cho công dân, tổ chức tra cứu, thực hiện;

- Về tài chính, tài sản của hội (Điều 26): Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định vấn đề này. Do đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về các khoản thu, chi, quản lý, sử dụng tài sản, tài chính, thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê của hội nhằm đáp ứng nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, tự đảm bảo kinh phí và để đảm bảo tính chặt chẽ trong công tác quản lý tài sản, tài chính của hội theo quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán, thống kê;

- Về kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội (Điều 28): Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định chưa rõ vấn đề này. Dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc kỷ luật trong nội bộ hội để tạo cơ sở pháp lý cho hội và giao hội ban hành quy chế kỷ luật trong nội bộ hội. Trên cơ sở kế thừa Điều 5 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ và để giải quyết các bất cập trong quá trình hội hoạt động, phù hợp với quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Dự thảo Nghị định quy định việc giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội do hội tự giải quyết, nếu không giải quyết được thì thực hiện theo quy định của pháp luật (đưa ra Tòa án xử lý).

đ) Nhóm quy định về đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội:

- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định trường hợp hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội khi thay đổi địa giới hành chính. Dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung này để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát

sinh trong thời gian vừa qua; đồng thời đơn giản hoá thủ tục về các nội dung này, đặc biệt là trường hợp hội tự giải thể (khoản 4 Điều 31);

- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về các trường hợp hội bị giải thể và đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội nên khó khăn khi giải quyết, xử lý khi hội vi phạm quy định của pháp luật; để tăng cường công tác quản lý nhà nước, có chế tài xử lý phù hợp. Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 32 về đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội, Điều 34 về hội bị giải thể, đồng thời quy định chi tiết các trường hợp hội bị đình chỉ hoạt động và giải thể hội tại Điều 29 (Xử lý vi phạm);

- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP thành Điều 35 (Giải quyết tài sản, tài chính khi hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu của hội) trong đó quy định chi tiết việc giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội bị đình chỉ, việc thanh toán các khoản nợ khi hội giải thể; đồng thời bổ sung quy định về thu hồi con dấu của hội (khoản 8 Điều 35) để phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu.

e) Nhóm quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước đối với hội:

Bổ sung rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, trong đó có trách nhiệm của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45 dự thảo Nghị định; đồng thời bổ sung nhiệm vụ quản lý, cập nhật, phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội tại khoản 12 Điều 42, điểm i khoản 1 Điều 43, khoản 14 Điều 44 và khoản 7 Điều 45 để đảm bảo đồng bộ, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan liên quan.

g) Nhóm quy định về điều khoản thi hành: dự thảo Nghị định đã bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật đã được tích hợp vào dự thảo Nghị định; quy định điều khoản chuyên tiếp, hiệu lực thi hành và quy định mẫu trình bày văn bản trên cơ sở kế thừa toàn bộ mẫu trình bày văn bản tại Thông tư số 03/2013/TT-BNV của Bộ Nội vụ và bổ sung mẫu về sơ yếu lý lịch cá nhân; quyết định đình chỉ hoạt động có thời hạn và quyết định cho phép hội hoạt động trở lại... để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ khi thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Bộ Nội vụ kính báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, TCPCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Chiến Thắng